

Số:01/2019/QĐST - HNGĐ

Mường Ảng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2018/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Quàng Văn T- Sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: Đội X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị Tòng Thị N - Sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện M, Điện Biên

Căn cứ vào Điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58,71, 81, 82, 83,84 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Quàng Văn T và chị Tòng Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh Quàng Văn T và chị Tòng Thị N có 01 người con chung là cháu Quàng Thị Thùy L, sinh ngày 11/07/2011.

Anh Quảng Văn T và chị Tòng Thị N thỏa thuận về việc giao nuôi con chung: Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quảng Thị Thùy L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Tòng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Quảng Văn T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tòng Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị N thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Anh Quảng Văn T và chị Tòng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Quảng Văn T phải chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số: AB/2010/01795 ngày 10/12/2018, anh T được trả lại 225.000^d (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Chị Tòng Thị N phải chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng chị N thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị được miễn số tiền 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Ích Ròng